

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2024

*“V/v ly hôn giữa chị chiến và anh
Chung”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Khải; Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vy Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn C, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân C1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ G, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị C và anh C1 có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Vy Thị C trình bày: Chị và anh Phạm Xuân C1 tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q vào ngày 06/02/2015, sau khi kết hôn cả hai vào miền N sinh sống. Trong quá trình chung sống do kinh tế khó khăn, vợ chồng tính tình không hợp đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019 anh C1 đã đưa con chung trở về thị trấn A sinh sống, chị trở về tỉnh Đắk Lắk sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh C1.

-Về con chung: Chị C khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 29/11/2015, con chung do anh C1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn xảy ra chị C đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị C khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là anh Phạm Xuân C1: Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2024 anh C1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh C1 xác nhận lời khai của chị C về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị C làm đơn khởi kiện ly hôn anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng nhất trí xin được ly hôn chị C. Về con chung anh C1 khai anh và chị C có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 29/11/2015 hiện anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn xảy ra anh cũng đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh C1 khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 khoản Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị C được ly hôn anh C1; Về con chung xử giao con chung Phạm Anh K, sinh ngày 29/11/2015 cho anh C1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chị C và anh C1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vy Thị C khởi kiện ly hôn với anh Phạm Xuân C1. Anh C1 là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại tổ G, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vy Thị C và anh Phạm Xuân C1 được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q vào ngày 06/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống và lao động tự do tại miền N, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2019 mâu thuẫn càng tăng, chị C và anh C1 đã trở về quê sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị C làm đơn khởi kiện ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự biết và đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để vợ chồng gặp gỡ có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng tại các phiên hòa giải anh C1 vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh C1, anh C1 xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn và đề nghị xin được ly hôn, do công việc bận mải anh không đến Tòa án Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa được, anh đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Đối với chị C quá trình tố tụng vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn và đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh C1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh C1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung cho thấy chị C và anh C1 có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 29/11/2015, con chung hiện do anh C đang trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Qua xác minh thân nhân anh C1, tổ dân phố số G và giáo viên trực tiếp dạy cháu K cung cấp cho thấy con chung được anh C1 và gia đình nuôi dưỡng chu đáo, cháu K đang sinh sống và ổn định học tập tại nơi cư trú, qua lấy lời khai cháu K tại trường học cháu K bày tỏ nguyện vọng được sinh sống với bố, đối với anh C1 hiện làm công việc tự do cũng có thu nhập. Vì vậy cần xử giao con chung cho anh C1 được trực tiếp nuôi dưỡng và anh C1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị C và anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị C và anh C1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vy Thị C được ly hôn anh Phạm Xuân C1.

2/Về con chung: Xử giao con chung Phạm Anh K, sinh ngày 29/11/2015 cho

anh C1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị C và anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004583 ngày 21/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị C và anh C1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND TT A.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC